TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIẾN XƯƠNG** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42 /2017/HNGĐ-ST
Ngày: 07-9-2017
V/v ly hôn giữa anh H và chị H

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG, TỈNH THÁI BÌNH

-***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lan Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Xuân Hướng

2. Bà Đoàn Thị Duyên

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Ngô Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình*** tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chung - Kiểm sát viên

Ngày 07/9/2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kiến Xương xét xử sơ thẩm công khai vụ án "Ly hôn" thụ lý số: 136/2017/TLST-HNGĐ ngày 24/7/2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 14/8/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thế H sinh năm 1991 trú tại: Thôn A, xã A, huyện K, tỉnh Thái Bình.(vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị Tạ Thị H sinh năm 1991trú tại: Thôn A, xã A, huyện K, tỉnh Thái Bình. (vắng mặt).

3. Người làm chứng:

- Ông Tạ Văn R, sinh năm 1966, trú tại: Thôn H, xã H, huyện K, tỉnh Thái Bình. (vắng mặt).

- Ông Nguyễn Trung H sinh năm 1960, trú tại: Thôn A, xã A, huyện K, tỉnh Thái Bình. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Theo đơn khởi kiện đề ngày ngày 20/3/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Nguyễn Thế H thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Tạ Thị H tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A vào ngày 15/12/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại thôn A, xã A, huyện K. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến ngày 15/8/2014 chị H nói với anh là đi làm ăn nhưng sau đó đã cắt đứt quan hệ với anh và gia đình anh. Gần đây chị H có nhắn tin cho anh là vợ chồng không còn tình cảm, xác định không thể chung sống với nhau được nữa, chị H cũng muốn ly hôn anh. Nay anh đề nghị Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương giải quyết cho anh được ly hôn chị H.

Anh và chị H không có con chung, không có tài sản chung và nợ chung.

***** Bị đơn là chị Tạ Thị H đã được Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị H cố tình vắng mặt, không nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện.

- Biên bản lấy lời khai ông Nguyễn Trung H (bố đẻ anh H) ngày 24/7/2017 thể hiện: Sau khi kết hôn, anh H và chị H chung sống tại gia đình ông tại xã A, huyện K. Tháng 7/2014, anh H đi xuất khẩu lao động tại Nhật, chị H ở với gia đình ông được hơn tháng thì khoảng tháng 8/2014, chị H có nói với gia đình ông là muốn đi làm ăn. Từ khi chị H đi làm ăn xa, thời gian đầu chị có gọi điện cho bà H là vợ ông được vài lần nhưng không cho biết là đang làm gì ở đâu. Tháng 01/2016, anh H về Việt Nam, anh H có gọi điện cho chị H về quê cùng nhau làm ăn nhưng chị H đã từ chối. Từ đầu năm 2017 đến nay, chị H hay gọi điện thoại cho anh H nói vợ chồng không thể đoàn tụ được. Xác định anh H, chị H không thể chung sống với nhau được, ông đề nghị Tòa án giải quyết cho anh H chị H được ly hôn. Anh H và chị H không có con chung và tài sản chung.

* Biên bản lấy lời khai ông Tạ Văn R (bố đẻ chị H) ngày 02/8/2017 thể hiện: Sau khi kết hôn, anh H và chị H chung sống tại gia đình bố mẹ đẻ anh H tại xã A, huyện K. Vợ chồng chung sống được một thời gian thì chị H đi khám bệnh thì phát hiện bị vô sinh nên rất chán nản. Không lâu sau, anh H sang Nhật lao động, chị H sống cùng bố mẹ chồng. Tháng 8/2014, chị H có xin phép ông và điện thoại xin phép anh H và gia đình anh H cho chị đi miền Nam làm ăn và chữa bệnh. Thời gian chị H đi làm có đăng ảnh chụp cùng đồng nghiệp nam lên mạng xã hội, anh H nhìn thấy bức ảnh đó đã chửi bới, xúc phạm và đe dọa chị H. Từ đó anh H và chị H mâu thuẫn căng thẳng, chị H không trở về nhà và cắt liên lạc với anh H và gia đình anh H. Nay anh H xin ly hôn chị H, thấy anh H và chị H không có khả năng đoàn tụ, quan điểm của ông đề nghị Tòa án giải quyết cho anh H chị H được ly hôn. Anh H và chị H không có con chung và tài sản chung.

***** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo và chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã từ bỏ quyền và không thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh H được ly hôn chị H. Về con chung và tài sản chung: Không có.Về tài sản chung: do bị đơn vắng mặt nên không có căn cứ để giải quyết trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về pháp luật tố tụng:

[1] Nguyên đơn anh Nguyễn Thế H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; chị H được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do; người làm chứng ông Nguyễn Trung H và ông TạVăn R đều vắng mặt; Căn cứ vào các

khoản 1 và 3 Điều 228 và khoản 2 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử.

Về pháp luật nội dung:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị H tự nguyện kết hôn, có đăng kí kết hôn ngày 15/12/2011 theo giấy chứng nhận kết hôn số 42-KH quyển số 01 của Ủy ban nhân dân xã An Bình - đây là hôn nhân hợp pháp. Lời khai của đương sự, người làm chứng cũng như kết quả xác minh cho thấy: Quá trình chung sống anh H và chị H phát sinh mâu thuẫn căng thẳng do vợ chồng không tin tưởng nhau, anh H đã có lời lẽ xúc phạm , làm tổn thương đến lòng tự trọng của chị H dẫn đến việc chị H đã cắt liên lạc với anh H từ tháng 8/2014 và chị cố tình dấu địa chỉ. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho anh H được ly hôn chị H.

[3] Về con chung: Anh H và chị H không có con chung.

[4] Về tài sản chung: Anh H khai vợ chồng không có tài sản chung, chị H vắng mặt, không có ý kiến nên không đặt ra giải quyết.

***** Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Anh H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147, các khoản 1 và 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa anh Nguyễn Thế H và chị Tạ Thị H.

2. Về con chung: anh H và chị H không có con chung.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Anh H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0000763 ngày 24/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình. Anh H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh H và chị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Kiến Xương;
- Chi cục THADS huyện Kiến Xương;
- Đương sự;
- UBND xã A;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lan Anh